

Số: 62 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa



Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW NGÀY 03/6/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XII VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 98/NQ-CP NGÀY 03/10/2017 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Tình hình triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 10-NQ/TW và Nghị quyết 98/NQ-CP

- Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết số 10-NQ/TW). Ngày 21/8/2017, Tỉnh ủy Kiên Giang đã ban hành Chương trình hành động số 29-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Chương trình hành động số 29-CTr/TU). Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 21/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Kế hoạch số 113/KH-UBND).



- Ngày 03/10/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết số 98/NQ-CP), tỉnh đã chủ động lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 29-CTr/TU và Kế hoạch số 113/KH-UBND để triển khai, thực hiện, cụ thể:

1.1. Thực hiện tốt về cải cách hành chính và cơ chế, chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho kinh tế tư nhân phát triển

a) Thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân, bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp tư nhân. Khuyến khích tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua các chính sách như: tư vấn, hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp,... Kết quả từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 1.318 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 52.333,34 tỷ đồng, giảm 12% về số lượng doanh nghiệp và tăng 2,57 lần về vốn đăng ký so với cùng kỳ.

- Để tiếp tục thực hiện minh bạch, có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với tổng kinh phí NSNN hỗ trợ trong năm 2021 theo kế hoạch được duyệt là 14.560 triệu đồng). Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế, do đó nhiều hoạt động hỗ trợ DNNVV không triển khai được hoặc triển khai không đạt theo kế hoạch. Tuy nhiên các Sở, ngành đã chủ động lồng ghép, triển khai linh hoạt các hoạt động hỗ trợ DNNVV và đạt được một số kết quả như sau: từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 1.318 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 52.333,34 tỷ đồng, giảm 12% về số lượng doanh nghiệp và tăng 2,57 lần về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; tổ chức thành công 07 sân giao dịch việc làm trực tiếp và trực tuyến, tuần lễ tư vấn, giới thiệu việc làm. Kết quả có hơn 107 lượt doanh nghiệp tham gia. Tại phiên giao dịch việc làm, số lao động đăng ký tham gia có hơn 8.825 lao động. Tổng số lao động phỏng vấn làm việc trong tỉnh là 4.808 lao động, lao động phỏng vấn làm việc ngoài tỉnh là 3.932 lao động, lao động phỏng vấn đi làm việc ở nước ngoài là 85 lao động...

- Hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025 nhằm thu hút đầu tư từ

các tập đoàn kinh tế tư nhân có tiềm lực vững mạnh, tham gia vào chuỗi giá trị khu vực, đặc biệt là trong các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh... Có chính sách khuyến khích sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng chủ yếu dựa vào doanh nghiệp và trang trại có quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Trong năm, đã cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 20 dự án (không có dự án đầu tư nước ngoài), với quy mô 93,14 ha, với tổng vốn đầu tư 2.770 tỷ đồng (so với năm 2020, số dự án giảm 06 dự án, quy mô giảm 286,86 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư giảm 1.730 tỷ đồng)

- Triển khai nhiều hoạt động bảo đảm thực thi các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân phù hợp với cơ chế thị trường và thúc đẩy tính tự chủ, cạnh tranh của kinh tế tư nhân.

b) Mở rộng khả năng tham gia thị trường, hỗ trợ xúc tiến thương mại và thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng

- Tạo điều kiện phát triển đồng bộ các thị trường, hệ thống lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh. Có biện pháp hiệu quả ổn định thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt với hàng nông sản:

+ Thực hiện chủ trương xã hội hóa khuyến khích, kêu gọi đầu tư chợ, đến năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 142 chợ, gồm: 02 chợ hạng I, 13 chợ hạng II và 127 chợ hạng III. Vốn đầu tư xây dựng mới và nâng cấp chợ được lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, chương trình nông thôn mới và một số chương trình khác của địa phương: 136 tỷ đồng; xây dựng mới và nâng cấp chợ bằng nguồn ngân sách Trung ương: 08 tỷ đồng; vốn khác khoảng 147 tỷ đồng; 09 siêu thị: 07 siêu thị tổng hợp (có 03 siêu thị Co.opmart), 02 siêu thị chuyên doanh, với tổng giá trị đầu tư khoảng 50 tỷ đồng, Trung tâm thương mại Vincom Plaza Rạch Giá với vốn đầu tư khoảng 800 tỷ đồng. Ngoài ra, đẩy mạnh phát triển trên 127 cửa hàng bán lẻ hiện đại như: 60 cửa hàng Bách hóa xanh, 13 cửa hàng Vinmart+, 54 cửa hàng điện máy xanh; trên 604 cửa hàng xăng dầu, trên 430 cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng,...

+ Thực hiện Quyết định số 285/QĐ-BCT ngày 25/01/2017 của Bộ Công Thương về phê duyệt các đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang đã nâng cấp trang thông tin điện tử (website) cho 05 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động có hiệu quả, với kinh phí 97,5 triệu đồng.

- Tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân trao đổi, buôn bán, mở rộng thị trường và hoạt động trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên của tỉnh; mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong tỉnh và các doanh nghiệp trong vùng để phát triển các chuỗi cung ứng:

+ Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương hỗ trợ cho 42 doanh nghiệp quảng bá thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và quảng bá thông tin doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh trên Cổng thông tin www.vietnamexport.com.

+ Thị trường xuất khẩu được mở rộng qua từng năm, cùng với các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) có hiệu lực, đặc biệt là Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP, Hiệp định EVFTA đã mở ra cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu. Hiện tại tỉnh có 42 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất khẩu, đã mở rộng thị trường xuất khẩu qua 43 quốc gia và vùng lãnh thổ (tăng 04 thị trường so với năm 2020), trong đó các thị trường trọng điểm chiếm kim ngạch cao như: Trung Quốc, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông,...(trong đó: gạo xuất qua 13 nước, một số thị trường có kim ngạch lớn như: Đông Timor, Philippines, Trung Quốc, Châu Phi,...; thủy sản các loại xuất khẩu qua 27 nước, một số thị trường có kim ngạch lớn như: Hồng Kông, Mexico, Mỹ, Canada, Brazil...). Hàng năm, đề nghị Bộ Công Thương xét chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức tham quan vùng nguyên liệu và nhà máy xay xát gạo của doanh nghiệp xuất khẩu trong tỉnh nhằm liên kết tiêu thụ hàng nông sản của tỉnh.

+ Về kết nối thị trường: Hàng năm tổ chức đoàn gồm các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia hội nghị kết nối cung cầu nhằm quảng bá thương hiệu, tìm kiếm cơ hội cung ứng sản phẩm chủ lực của tỉnh vào hệ thống phân phối tại TP.Hồ Chí Minh; tham dự Hội chợ triển lãm công nghiệp - Thương mại tại các tỉnh, thành phố trong nước... Triển khai website: ketnoicungcau.vn nhằm kết nối sản phẩm của tỉnh vào các kênh phân phối tại TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành trên cả nước. Trong năm 2021, đã tổ chức cho doanh nghiệp tham gia hội chợ kết nối cung - cầu tại TP. Hồ Chí Minh với 29 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia trưng bày, giới thiệu 35 sản phẩm.

+ Triển khai thực hiện tốt liên kết vùng, hợp tác với các tỉnh trong tiêu thụ hàng hóa nông sản, sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đặc trưng của tỉnh với mục tiêu chung là liên kết tiêu thụ hàng hóa nông sản, sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từng bước hình thành nên chuỗi giá trị phù hợp với xu thế hội nhập; chia sẻ thông tin và phát triển thị trường.

+ Phát hành Bản tin thị trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang 10 ngày/lần để cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài tỉnh, quốc tế, nhằm hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp chủ động trong định hướng chỉ đạo, sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân áp dụng phương thức bán hàng tiên tiến, đưa sản phẩm tham gia các hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh. Hình thành mạng lưới hệ thống thông tin về thị trường, thông tin xúc tiến thương mại; khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tận dụng những cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO:

+ Công tác hội nhập kinh tế quốc tế đã phổ biến các nội dung cơ bản, cơ hội và thách thức, các rào cản thương mại của CPTPP và EVFTA đến các Sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thông tin đến doanh nghiệp thực hiện quy định về lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyên khẩu, gửi kho ngoại quan. Thường xuyên rà soát, hỗ trợ và đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu; đẩy mạnh trao đổi, mua bán hàng hóa của cư dân hai bên biên giới. Tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin và triển khai, hướng dẫn thực hiện các cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế (ASEAN, WTO, APEC, ASEM...) và các hiệp định kinh tế - thương mại, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để nâng cao năng lực hội nhập cho doanh nghiệp, tiếp cận, mở rộng thị trường xuất khẩu và đầu tư, đặc biệt là về AEC, CPTPP, RCEP...

+ Thực hiện tuyên truyền về hội nhập kinh tế về quốc tế trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang với kinh phí 20 triệu đồng.

c) Về phát triển kết cấu hạ tầng, tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh cho khu vực kinh tế tư nhân

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở phù hợp với quy hoạch hàng năm xem xét, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh của 15/15 huyện, thành phố; triển khai thực hiện công bố công khai theo đúng quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2013.

- Đẩy mạnh thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), khai thác, sử dụng, kinh doanh các dự án, công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư, việc vận hành và thu hồi vốn của các dự án kết cấu hạ tầng để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng trong các khu, cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ về đường giao thông, điện, nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc,... đáp ứng đầy đủ yêu cầu của doanh nghiệp về mặt bằng sản xuất kinh doanh với hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ đầy đủ và chi phí hợp lý:

+ Đối với khu công nghiệp: hiện nay trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có 05 khu công nghiệp (KCN) được Thủ tướng Chính phủ đưa vào quy hoạch phát triển đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 với tổng diện tích là 762,49 ha, bao gồm: KCN Thạnh Lộc (251,98 ha, chia làm 02 giai đoạn: giai đoạn 1: 151,98 ha; giai đoạn 2: 100 ha), KCN Thuận Yên (133,95 ha), KCN Tắc Cậu (68 ha), KCN Xẻo Rô (210,54 ha) và KCN Kiên Lương II (100 ha). Đối với KCN Thạnh Lộc, đã giải phóng mặt bằng ở giai đoạn 1 được 153,567/155,167 ha (trong đó diện tích quy hoạch KCN 151,98 ha, diện tích nằm ngoài ranh quy hoạch tiếp giáp đường hành lang ven biển phía Nam 3,187 ha); giai đoạn 2 chưa thực hiện. Hiện Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp GCNĐKĐT/QĐCTĐT cho 23 dự án đầu tư vào KCN với diện tích đăng ký là 72,46 ha và vốn đăng ký đầu tư

là 6.407 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy (giai đoạn 1) đạt 67,43%. Đã có 16¹ dự án đã đi vào hoạt động; 07² dự án đang thực hiện thủ tục đất đai và triển khai xây dựng, giá trị đầu tư lũy kế đến nay ước đạt khoảng 5.037 tỷ đồng. Đối với KCN Thuận Yên, đã giải phóng mặt bằng được 131,37 ha. Hiện có 01³ dự án đã cấp GCNĐKĐT/QĐCTĐT, diện tích đăng ký là 22,60 ha, vốn đăng ký đầu tư 292,5 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy đạt 25,84%. Hiện dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, giá trị đầu tư lũy kế đến nay ước đạt khoảng 189 tỷ đồng, tỷ lệ vốn đầu tư đạt 64,6%. Các KCN còn lại như: KCN Tắc Cậu (68 ha), KCN Xẻo Rô (210,54 ha) và KCN Kiên Lương II (100 ha) các KCN này hiện đang kêu gọi nhà đầu tư.

+ Đối với Cụm Công nghiệp (CCN): theo điều chỉnh quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 15/10/2018, đến năm 2025, tỉnh Kiên Giang sẽ phát triển tổng số 14 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 607,97 ha. Trong đó: giai đoạn 2016-2020, phát triển 06 cụm, diện tích là 235 ha và giai đoạn sau 2020, phát triển 08 cụm và mở rộng 01 cụm, diện tích là 372,97 ha. Đến nay, có 04 CCN được thành lập và 03 CCN được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500, với tổng diện tích là 184,16ha. Tính đến tháng 12/2021, CCN Vĩnh Hòa Hưng Nam đã triển khai đầu tư hoàn thành cơ bản kỹ thuật (tổng diện tích đất cho thuê là 4,3ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 25,46%); đã thu hút được 03 dự án đầu tư gồm: Nhà máy sản xuất gạch Tuynel, Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Hải Long, Nhà máy sản xuất da giày Hwasung Rạch Giá; góp phần phát huy được lợi thế, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn lực của địa phương, gắn với vùng nguyên liệu và nguồn lao động, giảm ô nhiễm môi trường, thúc đẩy phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Các CCN còn lại đang trong quá trình kêu gọi đầu tư hoặc thực hiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, chưa triển khai đầu tư hạ tầng.

d) Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân nâng cao khả năng huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; thực hiện đồng bộ các giải pháp về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn về vốn trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, đẩy mạnh hỗ trợ sau đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tiếp cận và thụ hưởng thành công các gói tín dụng hỗ trợ của Nhà nước cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII⁴, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁵, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam⁶, Tỉnh ủy⁷ và UBND tỉnh⁸

¹ 16 dự án: Bia (Cty Sài Gòn Kiên Giang), Gỗ MDF (Cty Gỗ MDF), Giày thể thao (Cty Thái Bình), Giày thể thao (Cty Hwasung Rạch Giá), Cấp nước (Cty Nước và Môi trường), Dịch vụ viễn thông (Viễn thông KG), VLXD (Cty CIC), VLXD (Cty HUD), Thủy sản đông lạnh (Cty Kiên Hùng), Cảng Thạnh Lộc (Cty Khánh Long), Ống nhựa & điện (Cty PT Mekong), xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất các sản phẩm may (Cty Toàn Lộc), xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất gia công đế giày (Cty Toàn Lộc), sản xuất đế giày (Cty Tae sung Rạch Giá), giày thể thao mở rộng (Cty Hwasung Rạch Giá), kính cường lực (Cty Tâm Lộc Phú).

² 07 dự án: dược phẩm (Cty Dược KG), VLXD (Trần Quế Trân), VLXD (Cường Thịnh Phú Quốc), VLXD (Cty ANKT), nước giải khát (Cty NLHC Đông Dương); túi xách (Cty Thái Bình); VLXD (Cty Phú Thành).

³ 01 dự án: Gạch tuynel (Cty Thông Thuận).

⁴ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

⁵ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

về phát triển kinh tế tư nhân (KTTN) trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, NHNN Việt Nam chỉ nhánh tỉnh đã và đang chỉ đạo, theo dõi các Tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực KTTN⁹ trên địa bàn tiếp cận nguồn vốn tín dụng hợp lý, qua đó góp phần phát triển nhanh, bền vững, gồm: (i) Ưu tiên tập trung vốn hỗ trợ cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ¹⁰, trong đó có khu vực KTTN; (ii) Triển khai hiệu quả chương trình, chính sách tín dụng đặc thù đối với các đối tượng thụ hưởng ở khu vực KTTN thuộc một số ngành, lĩnh vực¹¹, chương trình tín dụng chính sách; (iii) Cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo hoạt động cho vay theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam, giảm thiểu phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; (iv) Tuyên truyền, phổ biến kịp thời các giải pháp hỗ trợ khách hàng qua các kênh báo, đài và hiệp hội các ngành trên địa bàn để tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết, tiếp cận.

- Đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản để đảm bảo quyền được chuyển nhượng, giao dịch, thế chấp, tạo điều kiện huy động nguồn vốn cho kinh tế tư nhân, cụ thể trên các mặt sau:

+ Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; ban hành các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính; công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của ngành tài nguyên và môi trường; liên thông giải quyết thủ tục hành chính giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và Sở Tài chính; các thủ tục đều được công khai minh bạch về quy trình xử lý, về phí, lệ phí kèm theo.

+ Quan tâm bố trí công chức, viên chức có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại các Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; tiếp tục duy trì dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2 và tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 với tổng số 08 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai.

⁶ Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 28/6/2016, Quyết định số 1355/QĐ-NHNN ngày 28/6/2016, Quyết định số 1178/QĐ-NHNN ngày 31/5/2018, Kế hoạch số 09/KH-NHNN ngày 12/10/2020 của NHNN Việt Nam CN tỉnh.

⁷ Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 21/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang.

⁸ Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 29/6/2018, Chương trình hành động số 319/CTr-UBND ngày 26/8/2016, Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 13/7/2018, Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06/7/2018; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 31/01/2019, Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 12/8/2020, Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang.

⁹ Gồm doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa), hộ kinh doanh, cá nhân,...

¹⁰ Nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, DNNVV, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, đầu tư chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, khởi sự doanh nghiệp

¹¹ Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 (sửa đổi, bổ sung) của Chính phủ; cho vay hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ; Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của NHNN Việt Nam, cho vay phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ...

+ Thực hiện ủy quyền cho Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh trong thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đã mạnh dạn ủy quyền cho các chi nhánh tự chịu trách nhiệm trong việc lập hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, liên thông in Giấy chứng nhận giữa các chi nhánh và Phòng chuyên môn (đến nay đã có 15/15 chi nhánh thực hiện việc in giấy chứng nhận liên thông), qua đó đã rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Ngoài ra, tỉnh đang tập trung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện xây dựng hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh để đưa vào vận hành, khai thác góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; triển khai xây dựng quy trình phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; tích cực triển khai thực hiện việc tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao của quốc gia và các quỹ đầu tư khác; tiếp tục thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách tín dụng với doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chi nhánh tỉnh đã phối hợp với chính quyền địa phương chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp với nhiều giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn do tác động của dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, như: (i) Giám sát, chỉ đạo, đôn đốc các TCTD tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn¹² như: cơ cấu lại nợ vay, không chuyển nhóm nợ; miễn, giảm, hạ lãi suất cho vay; tăng cường cho vay mới; đa dạng hóa và triển khai kịp thời sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp với quy mô và hoạt động DN/VV, các sản phẩm tín dụng cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp với lãi suất hợp lý theo chỉ đạo của Hội sở chính ...; chủ động gửi văn bản đề nghị một số Hội sở chính các ngân hàng sớm có hướng dẫn, hỗ trợ¹³; trực tiếp làm việc với một số chi nhánh ngân hàng thương mại, động viên các TCTD nâng cao tinh thần chia sẻ, đẩy mạnh giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu, triển khai các sản phẩm tín dụng ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận vay mới khôi phục sản xuất kinh doanh.

¹² Công văn số 240/KGI-THNS&KSNB ngày 09/6/2021, Công văn số 310/KGI-TTGSNH ngày 14/7/2021, Công văn số 352/KGI-THNS&KSNB ngày 04/8/2021, Công văn 369/KGI-THNS&KSNB ngày 12/8/2021, Công văn số 536/KGI-THNS&KSNB ngày 29/10/2021 của NHNN Việt Nam chi nhánh tỉnh.

¹³ Công văn số 379/KGI-THNS&KSNB ngày 19/8/2021 của NHNN Việt Nam chi nhánh tỉnh.

- Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp đã góp phần khơi thông nguồn vốn tín dụng, cung ứng và hỗ trợ vốn tích cực cho khu vực KTTN phát triển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến 30/11/2021, dư nợ cho vay toàn địa bàn đạt 95.830 tỷ đồng, tăng 8,94% so năm 2020; vốn tín dụng cho khu vực KTTN chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng dư nợ toàn tỉnh (đạt 93.912 tỷ đồng (tăng 9,36% so năm 2020), chiếm 97,74%), trong đó: (i) Dư nợ cho vay doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN đạt 24.267 tỷ đồng, tăng 14,33% so năm 2020; dư nợ cho vay hộ kinh doanh, cá nhân đạt 68.626 tỷ đồng, tăng 7,93% so năm 2020; (ii) Cho vay DNNVV được quan tâm, chú trọng đẩy mạnh; lũy kế 11 tháng đầu năm, giải ngân cho vay đạt 24.334 tỷ đồng, dư nợ đạt 14.934 tỷ đồng (chiếm 15,58% tổng dư nợ toàn tỉnh) của 1.859 DNNVV còn dư nợ, tăng 25,18% so năm 2020. Các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù đối với các đối tượng thụ hưởng ở khu vực KTTN thuộc một số ngành, lĩnh vực tiếp tục tăng trưởng, cụ thể: (i) Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 49.277 tỷ đồng (chiếm 51,42% tổng dư nợ toàn tỉnh), tăng 11,62% so năm 2020, trong đó: dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2018/NĐ-CP đạt 45.566 tỷ đồng, tăng 11,87% so năm 2020; dư nợ cho vay hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch còn 60 tỷ đồng; dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch đạt 342 tỷ đồng; dư nợ cho vay phát triển thủy sản đạt 208 tỷ đồng; (ii) Dư nợ cho vay xuất khẩu đạt 56.427 tỷ đồng (chiếm 6,71% tổng dư nợ toàn tỉnh), tăng 17,74% so đầu năm; (iii) Dư nợ cho vay hỗ trợ nhà ở đạt 162 tỷ đồng; (iv) Tín dụng chính sách đối với khu vực KTTN được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tích cực triển khai thực hiện. Thông qua các chương trình tín dụng chính sách trọng điểm đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách, đã giải ngân cho vay 34.738 lượt khách hàng số tiền 1.047 tỷ đồng, dư nợ đạt 4.072 tỷ đồng (chiếm 4,25% tổng dư nợ toàn tỉnh), tăng 9,12% so đầu năm...

- Thông qua chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, trong 9 tháng đầu năm 2021, các TCTD trên địa bàn thực hiện cho vay mới số tiền 15.614 tỷ đồng; dư nợ cho vay mới các doanh nghiệp đạt 12.282 tỷ đồng (1.045 doanh nghiệp), tăng 3,85% so năm 2020. Đồng thời, tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, do dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh như điều chỉnh giảm lãi suất cho vay¹⁴, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, không chuyển nhóm nợ, miễn, giảm lãi, cho vay mới phục hồi sản xuất kinh doanh, đề nghị xử lý rủi ro¹⁵...

¹⁴ Lãi suất cho vay bằng VND trong năm giảm thêm từ 0,5-1,5%/năm so với năm cuối 2020 (lãi suất cho vay ngắn hạn giảm 1-1,5%/năm, lãi suất cho vay trung dài hạn giảm 0,5-1%/năm)

¹⁵ (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ số tiền 3.090 tỷ đồng (6.512 khách hàng); (ii) Miễn, giảm lãi 128,9 tỷ đồng (60.021 khách hàng; giá trị nợ 51.261 tỷ đồng); (iii) Cho vay mới với lãi suất thấp hơn so với trước dịch Covid-19 theo các sản phẩm tín dụng ưu đãi do Hội sở chính triển khai áp dụng số tiền 48.470 tỷ đồng (7.780 khách hàng còn dư nợ); trong đó, cho vay doanh nghiệp trả lương cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ 12 doanh nghiệp số tiền 3.147 triệu đồng; cho vay mới theo các sản phẩm tín dụng ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân phục hồi sản xuất, kinh doanh sau dịch Covid-19 số tiền 19.870 tỷ đồng (17.200 lượt khách hàng vay); (iv) Đề nghị xử lý rủi ro 27 khách hàng vay vốn Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh dư nợ 462 triệu đồng (do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn).

- Các TCTD tiếp tục xử lý nợ xấu theo đúng lộ trình chung, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu trong giới hạn an toàn dưới 3%; tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, cơ cấu lại theo hướng phát triển dịch vụ, đầu tư vào các lĩnh vực an toàn, đổi mới và hiện đại hóa quản trị, điều hành; đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ ngân hàng góp phần hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán. Đến 30/11/2021, toàn tỉnh có 54 TCTD¹⁶ hoạt động với mạng lưới 206 cơ sở giao dịch¹⁷, 319 máy ATM, 2.725 máy POS, hơn 1.093 nghìn thẻ và 1.141 nghìn tài khoản¹⁸.

1.2. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo (ĐMST), hiện đại hóa công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động.

- Khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân tăng cường năng lực nghiên cứu, đẩy mạnh chuyển giao, đầu tư đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới khu vực kinh tế tư nhân:

+ Tổ chức 03 cuộc thi khởi nghiệp ĐMST cơ sở trực tuyến trên nền tảng Zoom đã thu hút đông đảo học sinh, sinh viên, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và nhóm cá nhân khởi nghiệp tham gia với 86 ý tưởng/dự án dự thi. Tuyển chọn và gửi hồ sơ 02 ý tưởng/dự án tham dự Cuộc thi SV.STARTUP-2021 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và 10 hồ sơ ý tưởng/dự án tham dự Hội thi “Khởi nghiệp ĐMST tỉnh Kiên Giang năm 2021”.

+ Tổ chức 02 cuộc thi khởi nghiệp ĐMST cấp theo hình thức trực tuyến. Kết quả, cuộc thi khởi nghiệp ĐMST năm 2021 do Tỉnh đoàn tổ chức vào ngày 30/11/2021 với 21 dự án tham gia vào vòng chung kết cấp tỉnh. Qua đó, đã chọn ra được 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba và 04 giải khuyến khích. Cuộc thi còn lại do Trường Cao đẳng Kiên Giang chủ trì tổ chức.

+ Hỗ trợ kinh phí cho 02-03 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST có dự án nền, dự án tiềm năng, khả thi từng đạt giải trong các hội thi, cuộc thi của tỉnh.

+ Hỗ trợ dự án của các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp là sinh viên của Trường Cao đẳng Kiên Giang, Cao đẳng Nghề Kiên Giang tham gia cuộc thi khởi nghiệp ĐMST tầm khu vực tại Hà Nội (Startup Kite do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc – UNFPA tổ chức) với tổng số tiền là 45.520.000 đồng. Kết quả, có 05 dự án dự thi vòng bán kết, trong đó có 03 dự án được chọn vào thi vòng chung kết, 01 dự án thi đạt giải Khuyến khích và tập thể Trường Cao đẳng Kiên Giang được tặng Bằng khen của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về thành tích đã có nhiều thành tích, đóng góp tích cực trong hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp năm 2021.

¹⁶ 05 NH TMNN, 25 NH TMCP, 01 NH Chính sách xã hội, 01 NH HTX và 22 QTDND

¹⁷ 01 trụ sở chính NH TMCP, 59 chi nhánh ngân hàng, 124 phòng giao dịch, điểm giới thiệu dịch vụ và 22 QTDND

¹⁸ Tăng 11 máy ATM, 321 máy POS, 128 nghìn thẻ, 73 nghìn tài khoản so năm 2020

+ Hỗ trợ hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cho 10 trường gồm: THCS Nguyễn Trãi, THCS Đông Thọ, THCS Định Hòa, THCS Dương Đông 1, TH&THCS Hòa Thuận; THPT Châu Thành, THPT Hòn Đất, THPT An Biên, THCS&THPT Vĩnh Hòa, THCS&THPT Ba Hòn.

+ Trong năm 2021 đã có 01 đơn vị trường (Trường Đại học Kiên Giang) thành lập “Câu lạc bộ Khởi nghiệp ĐMST tỉnh Kiên Giang” và “Câu lạc bộ Giảng viên doanh nhân”. Các Câu lạc bộ này được thành lập nhằm tạo cơ hội cho các thành viên được học hỏi, đào tạo, tư vấn, chia sẻ, giao lưu, kết nối các chương trình khởi nghiệp từ các chuyên gia, doanh nhân, các tổ chức khởi nghiệp; tạo các cơ hội cho thành viên khởi nghiệp dễ dàng được sự hỗ trợ chuyên môn, thông tin, đầu tư, tham dự các chương trình khởi nghiệp, tham gia các cuộc thi khởi nghiệp, các dự án về khởi nghiệp của các tổ chức xã hội và Nhà nước, thúc đẩy các thành viên đam mê nghiên cứu khoa học, tạo tinh thần lan tỏa khởi nghiệp, ĐMST trong cộng đồng.

+ Xét tôn vinh doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo năm 2021.

- Hỗ trợ kinh tế tư nhân ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm, chứng chỉ quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm:

+ Xây dựng chương trình hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh: triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021.

+ Xây dựng chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn: trong năm 2021, đã có trên 10 lượt cá nhân, doanh nghiệp đến liên hệ hướng dẫn thủ tục đăng ký tại Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Khoa học Công nghệ và Môi trường (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ), số đơn còn lại do cá nhân, tổ chức tự nộp đơn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ), cụ thể:

Đối tượng sở hữu công nghiệp	Số lượng đơn đã nộp	Số lượng văn bằng bảo hộ được cấp	Số lượng đối tượng SHTT được sử dụng, khai thác	Ghi chú
Sáng chế/GPHI	05	01		
Nhãn hiệu	155	115	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm	
Kiểu dáng công nghiệp	04	0	Sản xuất sản phẩm	
Đối tượng khác				

+ Triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 08/4/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 07/6/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021; thông tin, tuyên truyền và thông báo cho doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Kiên Giang năm 2021 (đã có 16 doanh nghiệp đăng ký tham gia); tổ chức họp Hội đồng xét chọn và phê duyệt danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2021; tổ chức khóa tập huấn kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong kinh doanh xăng dầu (80 đại biểu tham dự) hỗ trợ kinh phí cho 12 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, thực hiện hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu số lượng và chất lượng nhân lực phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp:

+ Các Sở, ban, ngành triển khai thực hiện kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; điều tra khảo sát nhu cầu học nghề; phối hợp tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dạy nghề và các chương trình, đề án phát triển, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực qua đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm tiếp tục được bố trí sắp xếp, phù hợp với phương thức đào tạo, dạy nghề linh hoạt đáp ứng nhu cầu học nghề của người học và nhu cầu thị trường lao động. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phân bố trên khắp các huyện, thành phố trong tỉnh và cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động tại các địa phương; đến nay toàn tỉnh có 30 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổng số giảng viên, giáo viên là 696 người. Năm 2021 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức đào tạo cho 21.250 người (trong đó: cao đẳng 1.432 người, trung cấp 3.282 người, sơ cấp 7.650 người và dạy nghề dưới 03 tháng 8.886 người), nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 50% cuối năm 2020 lên 50,43% năm 2021.

+ Chương trình phát triển nông thôn và ngành nghề nông thôn được triển khai toàn diện. Nguồn kinh phí Trung ương đầu tư cho dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 2.000 triệu đồng. Năm 2021 các địa phương đã đào tạo cho 2.904 lượt người theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong đó, đào tạo nghề cho lao động nông thôn 2.024 lượt người (nghề nông nghiệp: 896 lượt người; nghề phi nông nghiệp: 1.128 lượt người). Riêng đào tạo nghề cho lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa: 880 lượt người.

+ Chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề bước đầu đã tạo điều kiện cho nhiều đối tượng lao động nông thôn tham gia học nghề và tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân đặc biệt đối với lao động nông thôn thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân, người lao động ở huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, biến đổi khí hậu; nhiều hộ gia đình nhờ chính sách hỗ trợ này mà làm ăn thoát nghèo và trở thành hộ khá, một số bộ phận đã chuyển sang lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

- Đẩy mạnh xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm.

1.3. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong tỉnh đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, có tư tưởng chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao:

+ Chỉ đạo rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương. Qua đó, từng bước khắc phục sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn, ổn định tổ chức, phát huy hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và UBND cấp huyện, góp phần tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các văn bản quy định về tổ chức bộ máy được UBND tỉnh ban hành đầy đủ và kịp thời, phân định ngày càng rõ hơn giữa chức năng quản lý hành chính với hoạt động sự nghiệp, tạo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

+ Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/5/2018 thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/6/2018 thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW để triển khai thực hiện. Đến nay, việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra, đối với các cơ quan hành chính đã thực hiện giảm 68/364 đơn vị, chiếm 18,7% so với năm 2015; đơn vị sự nghiệp giảm 107/1.000 đơn vị, chiếm 10,7% so với lộ trình năm 2015-2021. Đối với tổ chức hành chính: từ năm 2015 đến nay đã giảm được 68/364 đơn vị, trong đó giảm 44/175 phòng chuyên môn cấp tỉnh và 24/189 phòng chuyên môn cấp huyện. Đối với đơn vị sự nghiệp đã giảm được 107/1.000 đơn vị so với kế hoạch.

+ Hàng năm, 05 năm Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ và các ngành có liên quan phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Đoàn thể, Nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Tỉnh ủy phê duyệt. Qua đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức đã cơ bản đáp ứng nhu cầu chuẩn hóa về tiêu chuẩn chức danh, chức vụ và ngày càng được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, kỹ năng quản lý Nhà nước... góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức trên địa bàn tỉnh, tổ chức thực hiện theo đúng Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo điều kiện, nguyên tắc và quy trình tuyển dụng. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao hàng năm và lộ trình tinh giản biên chế để đăng ký chỉ tiêu nhu cầu tuyển dụng công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung của tỉnh. Việc tổ chức thi và chấm thi trên máy tính đảm bảo được sự công bằng, công khai, minh bạch trong tuyển dụng công chức (tỉnh đã tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thi tuyển công chức, áp dụng phương pháp thi tuyển bằng phần mềm máy vi tính đối với 02 môn: ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ). Việc tiếp nhận không qua thi tuyển và chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên được thực hiện đúng quy trình, các trường hợp tiếp nhận đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện quy định của Luật Cán bộ, công chức về đánh giá cán bộ, công chức và Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, trong đó quy định phân cấp về đánh giá công chức, đồng thời hàng năm đều kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn công tác đánh giá cán bộ, công chức viên chức trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, hàng năm các cơ quan, đơn vị, tổ chức và địa phương của tỉnh đều tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ, công chức viên chức theo đúng quy định. Đồng thời, mạnh dạn đưa ra khỏi tổ chức bộ máy những công chức, viên chức không đủ năng lực, trình độ, những người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tạo điều kiện đổi mới, trẻ hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính mà trọng tâm là tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính. Đơn giản hoá, rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính, nhất là về thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, thuê đất, cấp phép xây dựng, đất đai, thuế, xuất khẩu, nhập khẩu, giải quyết tranh chấp, tố tụng, xét xử, thi hành án, phá sản. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế, thương mại, dân sự.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá các dịch vụ hành chính công để tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Phát triển và mở rộng các kênh tiếp nhận kiến nghị, phản ánh, thắc mắc, khiếu nại, tố cáo; tăng cường cơ chế đối thoại có hiệu quả giữa cơ quan quản lý Nhà nước với người dân, doanh nghiệp nhằm nắm bắt và xử lý kịp thời các nhu cầu, nguyện vọng, vướng mắc liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân.

+ Năm 2021, tổng đài dịch vụ hành chính công 1022 của tỉnh đã tiếp nhận hơn 7.750 cuộc gọi về các vấn đề liên quan đến hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

+ Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của các huyện, thành phố và các trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thành phố, các văn bản quy phạm pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển, cơ chế, chính sách quản lý của tỉnh theo đúng quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

+ Cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến, cụ thể: cung cấp 100% các TTHC của tỉnh với tổng số 1.928 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 đến 4, trong đó, dịch vụ công mức độ 3 là 232 dịch vụ, mức độ 4 là 1.149 dịch vụ. Hệ thống đã tiếp nhận và giải quyết tổng hồ sơ phát sinh trên toàn hệ thống là 157.674 hồ sơ, trong đó: hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công của tỉnh là 13.436 hồ sơ (hơn 22.000 hồ sơ nếu tính cả các dịch vụ công của các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh). Công khai, minh bạch thông tin quá trình giải quyết TTHC thông qua tính năng tra cứu hồ sơ trực tuyến. Đồng thời, liên thông cổng dịch vụ công quốc gia tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giải đáp thắc mắc của người dân và doanh nghiệp trong việc giải quyết TTHC, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp... trong thực hiện hành chính công trực tuyến.

+ Về liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, đến nay tỉnh đã tích hợp thành công 1.237 dịch vụ. Trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia 950 dịch vụ, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia 287 dịch vụ.

Ngoài ra, chú trọng nâng cao năng lực, hiệu quả phối hợp quản lý Nhà nước của các Sở, ngành và địa phương đối với kinh tế tư nhân, bao gồm cả việc bảo đảm hiệu quả quản lý Nhà nước đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Đẩy mạnh phân cấp đi đôi với bảo đảm sự quản lý thống nhất, phối hợp liên thông, gắn kết giữa các Sở, ngành và các huyện, thành phố.

Hoàn thiện và công khai, minh bạch hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, cơ sở dữ liệu, văn bản quy phạm pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển, cơ chế, chính sách quản lý để tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận khai thác và sử dụng.

2. Một số kết quả đạt được:

2.1. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp

- Nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân đối với vai trò và tầm quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục được nâng lên ở cả cấp tỉnh và cấp huyện.

- Nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư về vốn, trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh lành mạnh nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân; công tác phối hợp luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự tạo điều kiện của chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp đã góp phần cho các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh cá thể hiểu đúng những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tư nhân từ đó hạn chế những vi phạm trong kinh doanh.



- Khung pháp luật và chính sách tiếp tục được hoàn thiện nhằm khuyến khích và hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh ngày càng được nâng lên nhờ quá trình cải cách thủ tục hành chính cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

- Các điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính tiếp tục được gỡ bỏ và đơn giản hoá. Các chính sách hỗ trợ tiếp tục được triển khai, đặc biệt là các chính sách liên quan đến hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cũng như hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của tỉnh hàng năm được quan tâm thực hiện khá đa dạng, phong phú, có sự đổi mới về hình thức, nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần xây dựng các sản phẩm thương mại, du lịch của tỉnh bền vững; hoạt động xúc tiến, nghiên cứu, khảo sát thị trường trên các lĩnh vực đầu tư, thương mại và du lịch trong và ngoài nước từng bước được cải thiện, đã tạo ra cho các doanh nghiệp thêm nhiều cơ hội để tham gia các cuộc hội nghị, hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước để có cơ hội gặp gỡ, trao đổi trực tiếp phát triển kinh doanh, liên doanh, liên kết mở rộng quy mô sản xuất, tạo môi trường thu hút đầu tư, phát triển thương mại, du lịch, tăng cường khả năng cạnh tranh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Kết quả về phát triển khu vực kinh tế tư nhân

a) Số lượng doanh nghiệp hoạt động đến cuối năm 2021

Lũy kế đến ngày 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh có 10.666 doanh nghiệp, đạt 88% so với kế hoạch năm 2020, vốn đăng ký là 52.333,34 tỷ đồng, tăng 2,67 lần so với kế hoạch năm 2020.

b) Một số chỉ tiêu về đăng ký doanh nghiệp năm 2021

Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2021
Số doanh nghiệp thành lập mới	1.318
Tổng số vốn đăng ký (tỷ đồng)	52.333,34
Số doanh nghiệp rút khỏi thị trường:	815
- Đăng ký tạm ngừng	577
- Hoàn tất giải thể	238
Số doanh nghiệp quay lại hoạt động	448
Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới	7.965

c) Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GRDP và vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tại địa phương năm 2021:

Hạng mục	Năm 2020 (Tỷ đồng)	Ước năm 2021 (Tỷ đồng)	Năm 2021/2020 (%)
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (TXH)	45.163,913	36.208,835	80,17%
Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá hiện hành	104.110,99	101.887,587	97,86%
Đầu tư của tổ chức doanh nghiệp.	27.343,513	19.464,927	71,19%
Tỷ lệ đóng góp của DN vào GRDP (%)	28,88%		
Tỷ lệ đóng góp của DN vào vốn đầu tư TXH (%)	60,54%	53,76%	-6,78%

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Nhìn chung, các Sở, ngành, địa phương đã hiểu rõ, nhận thức được yêu cầu, nhiệm vụ của cải cách môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp tư nhân; đã chủ động, sáng tạo và tích cực trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 98/NQ-CP vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

1. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh còn nhiều, chiếm trên 97%, đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, nguồn lực tài chính yếu, số lượng doanh nghiệp giải thể còn nhiều; tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh/tổng doanh nghiệp thành lập mới năm 2021 tăng hơn so với năm 2020: năm 2020 là 31,3%, năm 2021 là 43,8%.

2. Về thu hút đầu tư, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là về mặt thu hút các nhà đầu tư lớn tham gia vào các lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh như: du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản trên biển, tạo chuỗi giá trị sản phẩm,...; đồng thời trong năm 2021, tỉnh không thu hút được các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

3. Một số nhãn hiệu tập thể sau khi được cấp Giấy chứng nhận không triển khai được do sản phẩm đầu ra ít, nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm này chưa cao.

4. Việc thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) của tỉnh chủ yếu dựa vào liên kết thông tin, tập huấn, đào tạo, hội thảo,... nhằm tuyên truyền về khởi nghiệp ĐMST mà chưa có nhiều hỗ trợ kinh phí để các tổ chức, cá nhân triển khai các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành các sản phẩm cụ thể.

5. Nợ xấu thuộc khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng còn lớn trong tổng số nợ xấu và có chiều hướng có thể gia tăng và tiềm ẩn nguy cơ tăng cao trong thời gian tới (đến tháng 9/2021, chiếm 99,81%, số tuyệt đối tăng 35,12% so năm 2020).

6. Một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đầu tư đúng mức đến việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, việc đầu tư công nghệ cải tiến sản phẩm, thương hiệu, bao bì, mẫu mã còn hạn chế; định mức cho hoạt động xúc tiến và chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; công tác xúc tiến, quảng bá vẫn gặp nhiều khó khăn do kinh phí còn hạn chế, ảnh hưởng của dịch Covid - 19.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế như đã nêu trên, để tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm thích ứng trong bối cảnh dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương như sau:

1. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả; tiếp tục rà soát, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

2. Về đầu tư khu nhà ở tập trung cho công nhân trong khu công nghiệp (KCN): kiến nghị các Bộ, ngành xem xét trình Chính phủ bố trí vốn ngân sách Trung ương để hỗ trợ địa phương đầu tư xây dựng các khu nhà ở tập trung cho công nhân trong KCN, nhằm thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp về lâu dài.

3. Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chỉ đạo các ngân hàng thương mại không thu phí khi người nộp thuế thực hiện giao dịch kê khai, nộp thuế điện tử để giảm chi phí cho doanh nghiệp.

4. Kiến nghị Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tiếp tục đề xuất, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ theo hướng nâng mức khấu trừ chi phí quảng cáo, tiếp thị cho các doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xin báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, tmchau, "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhàn

